

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thăng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quang Huy	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

11/11/11
CH
DI

Số: 134 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ các hạn chế trình bày sau đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, căn cứ báo giá của 3 Công ty chứng khoán, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Chúng tôi không thể xác định được mức độ hợp lý của các báo giá về giá trị các cổ phiếu chưa niêm yết nêu trên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nhà đầu tư đã sử dụng 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (đất có thời hạn) để đảm bảo cho khả năng thanh toán của một số hợp đồng hợp tác đầu tư khi chứng khoán hợp tác đầu tư đã bị suy giảm giá trị (thị giá chứng khoán thấp hơn giá trị hợp tác đầu tư khoảng 16 tỷ đồng (sau khi đã trừ đi 16,5 tỷ đồng bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng)). Các bên xác định quyền sử dụng đất có giá trị khoảng 20 tỷ đồng. Chúng tôi không thể xác định được mức độ hợp lý của giá trị các Quyền sử dụng đất đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản công nợ hợp tác đầu tư nêu trên.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề trình bày ở trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.633.710.673.288	1.615.225.424.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	793.516.197.932	669.525.119.879
1. Tiền	111		337.016.197.932	609.825.119.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		456.500.000.000	59.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	726.685.625.261	628.959.695.317
1. Đầu tư ngắn hạn	121		778.251.933.646	654.177.994.428
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(51.566.308.385)	(25.218.299.111)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.686.774.171	307.781.638.062
1. Phải thu khách hàng	131	7	27.690.482.083	27.610.019.247
2. Trả trước cho người bán	132		1.128.567.539	2.508.511.049
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	28.819.720.000	30.723.595.000
4. Các khoản phải thu khác	138	9	76.267.865.727	246.939.512.766
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(34.219.861.178)	-
IV. Hàng tồn kho	140		676.055.655	451.901.600
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.146.020.269	8.507.069.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.322.591.054	1.675.856.882
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		456.026.657	10.403.569
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		85.580.739	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.281.821.819	6.820.809.121
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		88.741.533.283	90.291.443.118
I. Tài sản cố định	220		26.484.073.069	26.095.536.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.896.303.206	15.891.888.990
- Nguyên giá	222		26.439.654.031	23.151.916.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.543.350.825)	(7.260.027.726)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	5.313.491.113	5.929.368.618
- Nguyên giá	228		8.492.677.545	8.347.933.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.179.186.432)	(2.418.564.862)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.274.278.750	4.274.278.750
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	50.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		50.000.000.000	55.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.257.460.214	9.195.906.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.557.039.322	4.170.640.308
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.974.680.844	1.299.526.404
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.725.740.048	3.725.740.048
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.722.452.206.571	1.705.516.867.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1.120.995.768.997	1.107.477.656.243
I. Nợ ngắn hạn	310		1.120.985.296.255	1.107.338.656.243
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		118.927.576	83.511.440
3. Người mua trả tiền trước	313		654.201.612	1.242.403.476
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.046.466.684	4.030.431.133
5. Phải trả người lao động	315		1.560.416.454	1.144.688.010
6. Chi phí phải trả	316		8.803.817.130	8.938.402.558
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	854.817.506.670	656.155.401.507
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		242.946.406.850	414.335.749.094
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		10.781.964.962	21.199.852.897
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		77.633.923	208.216.128
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		177.954.394	-
II. Nợ dài hạn	330		10.472.742	139.000.000
11. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		10.472.742	139.000.000
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		601.456.437.574	598.039.211.305
I. Vốn chủ sở hữu	410		601.456.437.574	598.039.211.305
1. Vốn điều lệ	411	15	598.413.000.000	509.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	67.439.970.360	27.055.378.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	6.740.232.026	6.740.232.026
4. Lỗi lũy kế	420	15	(71.136.764.812)	54.993.601.279
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.722.452.206.571	1.705.516.867.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
1. Chứng khoán lưu ký	006	6.700.268.640.000	5.669.891.200.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	5.102.338.220.000	4.288.796.340.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	32.375.010.000	39.303.810.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	5.069.776.970.000	4.247.727.730.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	186.240.000	1.764.800.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	610.500.120.000	1.341.524.720.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	521.337.120.000	1.341.524.720.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	89.163.000.000	-
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	45.000.000.000	10.000.000.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	45.000.000.000	10.000.000.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	24.002.100.000	28.824.500.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	10.000.000.000	9.800.000
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	14.002.100.000	28.814.700.000
1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	881.638.800.000	-
1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	881.638.800.000	-
1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	037	36.789.400.000	745.640.000
1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	380.000	340.000
1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	36.789.020.000	745.300.000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	637.554.490.000	618.003.720.000
3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	198.831.576.473	93.762.460.000

C.T. P. 26 - C.T. C. P.
HÀ NỘI



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		94.842.746.223	112.675.558.629
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		5.938.112.924	15.622.887.281
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		29.743.854.172	33.866.609.150
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		6.244.284.515	8.232.118.553
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.491.543.028	2.700.171.346
Doanh thu khác	01.9	16	50.424.951.584	52.253.772.299
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		94.842.746.223	112.675.558.629
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	107.956.648.397	37.630.513.214
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(13.113.902.174)	75.045.045.415
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		69.607.926.435	24.153.270.394
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(82.721.828.609)	50.891.775.021
7. Thu nhập khác	31		5.033.578	1.200.000
8. Chi phí khác	32		2.949.474	-
9. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.084.104	1.200.000
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(82.719.744.505)	50.892.975.021
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		48.832.402	12.250.562.480
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(82.768.576.907)	38.642.412.541
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	918,64



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
		đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(82.719.744.505)	50.892.975.021
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.043.944.669	1.981.758.645
Các khoản dự phòng	03	60.567.870.452	3.645.915.576
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(29.548.368.173)	-
Chi phí lãi vay	06	41.124.148.869	19.756.280.240
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.532.148.688)	76.276.929.482
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	173.875.002.713	(18.587.328.192)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(224.154.055)	(259.931.285)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.503.562.342	108.385.738.327
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	(130.099.288.929)	124.100.867.883
Tiền lãi vay đã trả	13	(40.698.638.769)	(33.441.215.239)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.004.364.325)	(3.374.691.128)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.723.507.469)	(2.270.777.519)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>3.096.462.820</i>	<i>250.829.592.329</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.432.481.380)	(3.563.641.085)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.066.297.048	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.482.071.125	1.889.525.100
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>31.115.886.793</i>	<i>(1.674.115.985)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	129.547.592.360	92.805.378.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(300.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.768.863.920)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>89.778.728.440</i>	<i>(207.194.622.000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	<i>123.991.078.053</i>	<i>41.960.854.344</i>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	669.525.119.879	337.412.062.234
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	<u>793.516.197.932</u>	<u>379.372.916.578</u>



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 05-CTCK
 Đơn vị: VND

TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ/năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ/năm	
		Năm 2010	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Năm 2010		Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011		Năm 2010	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
ầu tư chủ sở	15	397.250.000.000	509.250.000.000	112.000.000.000	-	89.163.000.000	-	509.250.000.000	598.413.000.000
ư phần	15	22.000.000.000	27.055.378.000	5.055.378.000	-	40.384.592.360	-	27.055.378.000	67.439.970.360
dự tài	15	257.656.762	6.740.232.026	6.492.925.264	10.350.000	-	-	6.740.232.026	6.740.232.026
hạch phân	15	2.281.621.815	54.993.601.279	64.929.252.646	12.217.273.182	-	126.130.366.091	54.993.601.279	(71.136.764.812)
		421.789.278.577	598.039.211.305	188.477.555.910	12.227.623.182	129.547.592.360	126.130.366.091	598.039.211.305	601.456.437.574

Quang Huy
 Giám đốc

Trần Ngọc Đốc
 Kế toán trưởng

ngày 15 tháng 8 năm 2011

ýết minh từ trang 9 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Ngày 18/2/2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 598.413.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 258 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 248 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm về phân loại và trình bày, sửa đổi mã số và cơ sở lấy dữ liệu để lập một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty bắt đầu thực hiện áp dụng Thông tư này cho việc lập các báo cáo tài chính trong năm 2011.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức “hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn” với nhà đầu tư. Theo đó lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đông Á và Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá cho được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

250
G T
EM H
DIT
N/A
- T

7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động ủy thác đầu giá

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ hợp đồng bán chứng khoán. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm có thể sử dụng bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	901.114.890	785.099.089
Tiền gửi ngân hàng	312.287.836.993	597.890.912.505
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>222.024.999.008</i>	<i>408.916.492.769</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	23.827.246.049	11.149.108.285
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>21.618.722.221</i>	<i>6.459.427.176</i>
Các khoản tương đương tiền	456.500.000.000	59.700.000.000
	793.516.197.932	669.525.119.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết (i)	119.296.433.788	84.011.297.788
Cổ phiếu niêm yết	63.567.253.753	72.443.981.979
Trái phiếu	-	102.000.000
	182.863.687.541	156.557.279.767
Đầu tư ngắn hạn khác		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (ii)	583.049.186.105	471.974.634.661
Hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn	12.339.060.000	24.646.080.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.000.000.000
	595.388.246.105	497.620.714.661
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	-	(2.742.730.028)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(2.950.273.633)	(13.913.100.376)
Dự phòng hợp tác đầu tư	(48.616.034.752)	(8.562.468.707)
	(51.566.308.385)	(25.218.299.111)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	726.685.625.261	628.959.695.317

(i) Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu chưa niêm yết, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 Công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.

(ii) Trong tổng số dư hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn và ủy thác quản lý danh mục đầu tư nêu trên bao gồm:

- a) Khoảng 75,3 tỷ đồng là giá trị chứng khoán OTC được Công ty ủy thác mua trong tháng 3 năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 Công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.
- b) Khoảng 56,2 tỷ đồng là giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty với một nhóm các nhà đầu tư cá nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư này đã cao hơn thị giá chứng khoán với số tiền khoảng 33 tỷ đồng. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, các nhà đầu tư này đã cung cấp bảo lãnh thanh toán từ Ngân hàng với giá trị 16,5 tỷ đồng và để đảm bảo khả năng thanh toán cho giá trị 16,4 tỷ đồng còn lại, nhà đầu tư đã bàn giao 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn được các bên đánh giá với giá trị 20 tỷ đồng để làm cơ sở đảm bảo khả năng thanh toán của nhóm nhà đầu tư này cho Công ty.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư và tổ chức	16.765.604.498	18.400.339.236
Phải thu ủy thác quản lý vốn	10.923.314.265	6.804.405.001
Phải thu khác	1.563.320	2.405.275.010
	27.690.482.083	27.610.019.247



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	-	1.915.000
Phải thu tổ chức phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán (i)	28.819.720.000	30.721.680.000
	28.819.720.000	30.723.595.000

- (i) Số dư phải thu tổ chức phát hành, bảo lãnh phát hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 chủ yếu là giá trị Công ty đã thanh toán cho tổ chức phát hành để mua chứng khoán. Đến ngày báo cáo, Công ty chưa nhận được số cổ đông. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng, tại ngày báo cáo, các khoản phải thu này không bị giảm giá và Công ty không phải trích lập dự phòng đối với các khoản này.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Cổ tức	4.078.791.700	-
Phải thu giao dịch hợp đồng hợp tác đầu tư	47.446.084.010	-
Ứng tiền mua gom trái phiếu cho đối tác	-	77.000.000.000
Phải thu theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư	14.000.000.000	35.500.000.000
Hợp đồng tiền gửi	-	130.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	1.038.030.329	1.985.777.779
Phải thu khác	9.704.959.688	2.453.734.987
	76.267.865.727	246.939.512.766

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	19.405.129.216	3.746.787.500	23.151.916.716
Tăng trong kỳ	3.287.737.315		3.287.737.315
Tại ngày 30/6/2011	22.692.866.531	3.746.787.500	26.439.654.031
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	6.275.643.049	984.384.677	7.260.027.726
Khấu hao trong kỳ	2.044.589.573	238.733.526	2.283.323.099
Điều chỉnh khác			-
Tại ngày 30/6/2011	8.320.232.622	1.223.118.203	9.543.350.825
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	13.129.486.167	2.762.402.823	15.891.888.990
Tại ngày 30/6/2011	14.372.633.909	2.523.669.297	16.896.303.206

011
ÔN
NH
ELI
ỆT
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	8.047.933.480	300.000.000	8.347.933.480
Tăng trong kỳ	144.744.065		144.744.065
Tại ngày 30/6/2011	<u>8.192.677.545</u>	<u>300.000.000</u>	<u>8.492.677.545</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	2.390.500.346	28.064.516	2.418.564.862
Khấu hao trong kỳ	730.621.570	30.000.000	760.621.570
Tại ngày 30/6/2011	<u>3.121.121.916</u>	<u>58.064.516</u>	<u>3.179.186.432</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>5.657.433.134</u>	<u>271.935.484</u>	<u>5.929.368.618</u>
Tại ngày 30/6/2011	<u>5.071.555.629</u>	<u>241.935.484</u>	<u>5.313.491.113</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn phản ánh số dư các khoản vốn góp của Công ty với mục đích nắm giữ dài hạn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã thực hiện đánh giá và khẳng định không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	306.379.315	179.379.635
Thuế thu nhập cá nhân	740.087.369	981.100.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.869.951.184
	<u>1.046.466.684</u>	<u>4.030.431.133</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhận đặt cọc từ các tổ chức tín dụng (i)	780.000.000.000	638.000.000.000
Phải trả tiền mua chứng khoán tự doanh	5.111.922.000	-
Nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phiếu, trái phiếu	28.111.680.000	8.990.802.230
Phải trả Sở Giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối năm	31.425.685.750	4.567.638.000
Phải trả, phải nộp khác (ii)	10.168.218.920	4.596.961.277
	<u>854.817.506.670</u>	<u>656.155.401.507</u>

(i) Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom trái phiếu với các Tổ chức tín dụng, theo đó các Tổ chức tín dụng thực hiện đặt cọc theo hợp đồng. Trong trường hợp Công ty không thu gom được, Công ty phải trả các tổ chức tín dụng khoản lãi của số tiền đặt cọc với lãi suất quy định tại từng Phụ lục Hợp đồng cho từng đợt giải ngân.

(ii) Chủ yếu là khoản phải trả hộ cổ tức của cổ phiếu chưa niêm yết chưa xác định được đối tượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ (*) VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối (**) VND	Tổng VND
01/01/2011	509.250.000.000	27.055.378.000	6.740.232.026	54.993.601.279	598.039.211.305
Góp vốn trong kỳ	89.163.000.000	40.384.592.360	-	-	129.547.592.360
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(82.768.576.907)	(82.768.576.907)
Chia cổ tức	-	-	-	(39.768.863.920)	(39.768.863.920)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.692.925.264)	(2.692.925.264)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
30/6/2011	<u>598.413.000.000</u>	<u>67.439.970.360</u>	<u>6.740.232.026</u>	<u>(71.136.764.812)</u>	<u>601.456.437.574</u>

(*) Ngày 02 tháng 3 năm 2011, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Nikko Cordial Securities Inc. thành lập tại Nhật Bản với tổng số lượng cổ phần chào bán là 8.916.300 mệnh giá 10.000 đồng, giá bán 15.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ vốn góp của cổ đông này chiếm 14,9% vốn điều lệ.

(**) Số trích quỹ và chi cổ tức trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty ngày 20 tháng 01 năm 2011.

16. DOANH THU KHÁC

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	3.769.885.149	1.940.445.336
Doanh thu lãi tiền gửi	29.482.071.125	10.747.679.907
Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn (*)	16.813.518.254	35.553.584.730
Doanh thu khác	359.477.056	4.012.062.326
	<u>50.424.951.584</u>	<u>52.253.772.299</u>

(*) Phản ánh phần lãi Công ty thu được từ các hợp đồng ký với các tổ chức và cá nhân trong năm. Hoạt động ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty chịu rủi ro và hoạt động hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn Công ty hưởng phí cố định không chịu rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
	đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	5.403.861.888	1.926.777.374
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	23.230.217.236	1.314.246.021
Chi phí hoạt động tư vấn	346.177.214	210.915.891
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	2.112.623.541	266.369.030
Chi phí dự phòng	26.348.009.274	3.645.915.576
Chi phí khác (*)	50.515.759.244	30.266.289.322
	107.956.648.397	37.630.513.214

(*) Chi phí khác chủ yếu là chi phí lãi phải trả cho các khoản tiền Công ty nhận ứng trước từ các đối tác để thu gom trái phiếu.

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 03 tháng 4 năm 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 8.639 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Ngày 10 tháng 02 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, để làm trụ sở làm việc với giá thuê 39.425 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

19. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	6.312.080	71.756.234.000
2. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	163.869.452	2.825.793.173.300
Trái phiếu	7.020.000	714.762.481.373
Chứng chỉ quỹ	25.340	196.588.000
	177.226.872	3.612.508.476.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Lãi từ tiền đặt cọc theo hợp đồng dịch vụ môi giới mua gom trái phiếu		
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	41.123.738.890	5.275.840.000
Doanh thu tư vấn		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	670.000.000	6.918.737.500
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	55.000.000	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	55.000.000	110.437.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	220.000.000	-
- Công ty cổ phần Du lịch Biển Mỹ Khê	82.500.000	-

Phí thu được từ ủy thác đầu tư

- Công ty cổ phần Đầu tư tài chính bảo hiểm Dầu khí	1.827.222.223	925.761.993
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	-	19.630.593.747

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	630.602.870	804.726.870
--	-------------	-------------

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Ủy thác quản lý vốn		
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.600.000.000	1.600.000.000
Các khoản phải thu		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.093.043.398	7.483.043.398
Các khoản phải trả		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51.990.000	500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	-	181.295.500
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (dư nợ gốc theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	730.000.000.000	638.000.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	-	63.000.000
Số dư trên tài khoản giao dịch của bên liên quan	63.906.687.172	271.842.733.448
Các khoản vay		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng thuê nhà số 5582/HDTN ngày 25/10/2006 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký với Công ty Cổ phần Thương mại TD thuê tòa nhà số 20 Ngô Quyền và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí quản lý để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 20.000 USD/tháng. Theo hợp đồng thuê nhà, bên đi thuê có trách nhiệm bồi thường cho bên cho thuê với số tiền tương ứng với 1 năm tiền thuê nhà trong trường hợp bên đi thuê hủy hợp đồng thuê trước hạn. Công ty đã dừng thuê từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 và bên cho thuê đã đồng ý việc Công ty chấm dứt hợp đồng trước hạn. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thương thảo với bên cho thuê về khoản tiền phạt nêu trên và đã trích trước tiền thuê nhà theo hợp đồng này từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2010.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét.



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng
